

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HSST

Ngày: 14/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ;
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Văn Kim Thái Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

- Bùi Văn T (TTC), sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp PT, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Nhật ve chay; Trình độ văn hóa: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Con ông Bùi Văn M, sinh năm 1949 và bà Ngô Thị D, sinh năm 1948; Vợ: Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1988; Con: Có 01 người con sinh năm 2006;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 45/2015/HSPT ngày 09/4/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 04 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Nhân thân:

+ Ngày 02/7/2002 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

+ Ngày 10/8/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 12 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” và 05 năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 năm 09 tháng tù;

+ Ngày 28/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tuyên phạt 07 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, tổng hợp với bản án số 67/2007/HSST ngày 10/8/2007 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 năm 04 tháng tù;

(Các bản án trên bị cáo dưới 18 tuổi và chấp hành xong bản án ngày 26/12/2012)

+ Ngày 13/11/2013 bị Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích” (Chưa nộp phạt)

+ Ngày 28/8/2014 bị Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Nộp phạt xong ngày 24/9/2014);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2021 cho đến nay. (Có mặt)

- **Lê Phước T1 (M1)**, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường F, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị Kim L1, sinh năm 1962; Sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Thúy D1, sinh năm 1995; Con: Có 01 người con sinh năm 2012;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 08/2019/HS-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù;

Nhân thân:

+ Ngày 06/4/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản (Chấp hành xong bản án ngày 24/10/2007);

+ Ngày 28/4/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản (Chấp hành xong bản án ngày 28/12/2011);

Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang trong vụ án khác về hành vi “Trộm cắp tài sản” từ ngày 17/8/2021 đến nay. (Có mặt)

- **Nguyễn Văn L1 (TE)**, sinh năm 1998 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp CT, xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Nhật ve chay; Trình độ văn hóa: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Khắc D2, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Mỹ L2, sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự:

+ Quyết định số 37/QĐ-XPHC ngày 21/03/2017 của Công an Phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Quyết định số 36/QĐ-TA ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

+ Quyết định số 02/QĐ-TA ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 19 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

Tiền án: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 02/02/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” (Bị cáo phạm tội dưới 18 tuổi);

+ Ngày 10/12/2018 bị Công an xã Thanh Tân, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Nộp phạt ngày 18/12/2018);

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 30/9/2021 cho đến nay. (Có mặt)

** Bị hại:*

- Ông Võ Văn Bé M2, sinh năm 1969;

Nơi cư trú: Ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT;

Địa chỉ: Ấp B, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1978 – Giám đốc;

Nơi cư trú: Ấp B, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trương Thanh L2, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Khu phố D, Phường E, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Ấp B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Khu phố BL, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/4/2021 đến ngày 18/7/2021, trên địa bàn xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo Bùi Văn T cùng với các bị cáo Lê Phước T1 và Nguyễn Văn L1 thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Vào khoảng 23 giờ ngày 06/4/2021, bị cáo T rủ bị cáo T1 đến địa bàn xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre tìm châu cở lấy trộm thì bị cáo T1 đồng ý. Bị cáo T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, không rõ biển số chở bị cáo T đến xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nhưng không trộm được châu cở nên cả hai quay về. Trên đường về, do biết khu đất vườn của ông Võ Văn Bé M2 ở ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre có nuôi nhiều gà và thỏ nên bị cáo T1 rủ bị cáo T vào khu đất vườn của ông M2 bắt trộm thì bị cáo T đồng ý. Để thực hiện ý định, bị cáo T1 điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đến khu đất vườn của ông M2 (lúc này khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/4/2021), bị cáo T1 dựng xe bên ngoài rồi cùng bị cáo T đi vào bắt trộm của ông M2 02 con thỏ, 02 con gà mái nòi và lấy 02 máy bơm nước. Sau khi lấy xong, bị cáo T1 điều khiển xe mô tô chở bị cáo T đem số tài sản lấy được của ông M2 đến bãi đất trống gần chân cầu Hàm Luông thuộc xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cất giấu rồi cả hai tiếp tục trở lại bắt trộm của ông M2 03 con dê. Sáng hôm sau, bị cáo T1 đem 03 con dê bán cho Trương Thanh L2 ở Phường E, thành phố BT, tỉnh Bến Tre được 4.200.000 đồng; đem 02 máy bơm nước bán cho Nguyễn Minh T3 ở xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre được 1.000.000 đồng. Bị cáo T1 chia cho bị cáo T 2.600.000 đồng, bị cáo T1 bắt 01 con gà mái nòi, bị cáo T bắt 02 con thỏ và 01 con gà mái nòi về nhà nuôi.

* Vật chứng thu giữ:

- Do Trương Thanh L2 giao nộp:

+ 01 con dê mẹ giống Hà Lan, mặt sọc, thân màu đen, nặng 42kg.

+ 02 con dê con giống Boer, đầu màu nâu, thân màu trắng, mỗi con nặng 10 kg.

- Do bị cáo T giao nộp:

+ 01 con thỏ màu trắng-xám, nặng 2,4kg.

+ 01 con thỏ màu đen, nặng 2,7kg.

- Do Nguyễn Minh T3 giao nộp:

+ 01 máy bơm nước loại bơm chìm, nhãn hiệu DAPHOVINA, màu xám, tay cầm màu xanh, 2HP (mã lực), đã qua sử dụng.

+ 01 máy bơm nước, nhãn hiệu GOLDE DRAGON, màu xanh; 0,5HP (mã lực), đã qua sử dụng.

Theo các Bản kết luận định giá trị tài sản số 385/KL-HĐĐG ngày 08/5/2021 và số 584/KL-HĐĐG ngày 28/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận:

- 01 con dê mẹ giống Hà Lan, mặt sọc, thân màu đen, nặng 42kg, trị giá ngày 07/4/2021 là 5.040.000 đồng.

- 02 con dê con giống Boer, đầu màu nâu, thân màu trắng, mỗi con nặng 10 kg, trị giá ngày 07/4/2021 là 3.000.000 đồng.

- 01 con thỏ màu trắng, xám, nặng 2,4kg, trị giá ngày 07/4/2021 là 132.000 đồng.

- 01 con thỏ màu đen, nặng 2,7kg, trị giá ngày 07/4/2021 là 148.500 đồng.

- 01 con gà mái nòi, màu xám, nặng 2kg, trị giá ngày 07/4/2021 là 240.000 đồng

- 01 con gà mái nòi, màu vàng nâu, nặng 2kg, trị giá ngày 07/4/2021 là 240.000 đồng.

- 01 máy bơm nước loại bơm chìm, nhãn hiệu DAPHOVINA, màu xám, tay cầm màu xanh, 2HP (mã lực), đã qua sử dụng, trị giá ngày 07/4/2021 là 1.280.000 đồng.

- 01 máy bơm nước, nhãn hiệu GOLDEN DRAGON, màu xanh; 0,5HP (mã lực), đã qua sử dụng, trị giá ngày 07/4/2021 là 450.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng 02 giờ ngày 18/7/2021, bị cáo L1 điều khiển xe mô tô chở bị cáo T ngồi sau kéo theo xe kéo đi nhặt ve chạy. Khi cả 02 đến khu vực cầu sân bay, trên đường Quốc lộ 57C thuộc ấp A, xã SD, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo L1 phát hiện 01 nắp cống thoát nước của Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT do ông Nguyễn Thanh T2 làm giám đốc đang để cạnh hồ ga trong lề đường nên nói cho bị cáo T biết, bị cáo T kêu bị cáo L1 lấy nắp cống về bán thì bị cáo L1 đồng ý. Để thực hiện ý định, cả hai đến dựng nắp cống lên rồi bị cáo L1 đứng giữ nắp cống, bị cáo T kê xe kéo vào rồi lấy 02 bao cát gắn đó kê vào hai bánh xe để bị cáo L1 ngã nắp cống dựa vào xe kéo, bị cáo L1 lấy dây cột vào nắp cống kéo lên, còn bị cáo T lấy cây tràm gắn đó nạy nắp cống lên. Khi đưa được nắp cống lên xe kéo thì bị cáo L1 điều khiển xe chở bị cáo T ngồi phía sau kéo xe kéo đi, cả hai đem nắp cống đến bán cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được 1.300.000 đồng, chia nhau mỗi người 650.000 đồng. Sau đó, hành vi của các bị cáo T và L1 bị phát hiện.

** Vật chứng thu giữ:*

- 01 thùng xe ba gác kéo tự chế bằng sắt màu sơn xanh, kích thước ngang 1,2m; dài 1,6m.

- 01 nắp đáy cống thoát nước (nắp hồ ga) bằng kim loại, kích thước 1,05m x 1,05m, dày 16cm, nặng 270 kg (Do bà N giao nộp).

Theo Bảng kết luận định giá tài sản số 792/KL-HĐĐG ngày 27/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre kết luận: 01 nắp đáy cống thoát nước (nắp hồ ga) bằng kim loại, kích thước 1,05m x 1,05m, dày 16cm, nặng 270 kg, trị giá ngày 18/7/2021 là 18.117.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 81/CT-VKSTPBT ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo T, T1 và L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính:

+ Đối với bị cáo T: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Đối với bị cáo T1: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo T1 từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Đối với bị cáo L1: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo L1 từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng do các bị cáo T và L1 không có thu nhập ổn định; bị cáo T1 không có nghề nghiệp.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả 03 con dê, 02 con thỏ, 02 máy bơm nước cho bị hại M2; trao trả 01 nắp đáy cống thoát nước cho bị hại Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT và trao trả 01 thùng xe ba gác kéo tự chế cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan N. Hiện các bị hại M2 và Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT không yêu cầu gì thêm.

+ Ghi nhận những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm L2, T3 và N không yêu cầu các bị cáo T và T1 bồi thường số tiền bỏ ra mua tài sản do các bị cáo bán sau đó bị thu hồi.

- Đối với Trương Thanh L2 khi mua 03 con dê, Nguyễn Minh T3 khi mua 02 máy bơm nước do bị cáo T1 đem bán, Nguyễn Thị Tuyết N khi mua nắp đáy cống thoát nước do các bị cáo T và L1 bán đều không biết là tài sản cho các bị cáo phạm tội mà có; Nguyễn Thị Tuyết N khi cho mượn xe ba gác kéo không biết các bị cáo T và L1 sử dụng để làm phương tiện đi trộm nên không truy cứu trách nhiệm.

Các bị cáo T, T1 và L1 khai nhận: Vào khoảng 23 giờ ngày 06/4/2021, bị cáo T rủ bị cáo T1 đến địa bàn xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre tìm châu cồ lấy trộm nhưng không trộm được nên cả hai quay về. Trên đường về, do biết khu đất vườn của ông M2 có nuôi nhiều gà và thỏ nên bị cáo T1 rủ bị cáo T vào trộm. Hai bị cáo vào bắt trộm của ông M2 02 con thỏ, 02 con gà mái nòi và lấy 02 máy bơm nước, rồi đến bãi đất trống gần chân cầu Hàm Luông cất giấu, sau đó cả hai tiếp tục trở lại bắt trộm của ông M2 03 con dê. Sáng hôm sau, bị cáo T1 đem 03 con dê bán cho L2 được 4.200.000 đồng; đem 02 máy bơm nước bán cho T3 được 1.000.000 đồng. Bị cáo T1 chia cho bị cáo T 2.600.000 đồng, bị cáo T1 bắt 01 con gà mái nòi, bị cáo T bắt 02 con thỏ và 01 con gà mái nòi về nhà nuôi. Ngoài ra, vào khoảng 02 giờ ngày 18/7/2021, bị cáo L1 điều khiển xe mô tô chở bị cáo T ngồi sau kéo theo xe kéo đi nhặt ve chay. Khi cả 02 đến khu vực cầu sân bay, trên đường Quốc lộ 57C thuộc ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo L1 phát hiện 01 nắp cống thoát nước của Công ty TNHH một thành viên Thương mại Xây dựng HT đang để cạnh hố ga trong lề đường nên nói cho bị cáo T biết, bị cáo T kêu bị cáo L1 lấy nắp cống về bán. Cả hai lấy nắp cống để lên xe kéo, rồi bị cáo L1 điều khiển xe chở bị cáo T ngồi phía sau kéo xe kéo đi, rồi đem nắp cống đến bán cho bà N được 1.300.000 đồng, chia nhau mỗi người 650.000 đồng. Sau đó, hành vi của các bị cáo T và L1 bị phát hiện. Các bị cáo đồng ý với kết quả định giá tài sản, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện theo pháp luật của bị hại Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT là ông Nguyễn Thanh T2 trình bày: Công ty của ông bị mất trộm 01 nắp đáy cống thoát nước. Sau đó, Công an đã thu hồi trả lại cho Công ty của ông xong. Tại

phiên tòa, ông không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, ông yêu cầu xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các bị cáo T, T1 và L1 không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo T, T1 và L1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, vào ngày 07/4/2021 và ngày 18/7/2021, tại ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo T đã có hành vi cùng với bị cáo T1 lén lút chiếm đoạt của bị hại M2: 03 con dê, 02 con thỏ, 02 con gà mái nòi và 02 máy bơm nước với tổng trị giá 10.530.500 đồng và cùng với bị cáo L1 lén lút chiếm đoạt của bị hại Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT 01 nắp đập cống thoát nước trị giá 18.117.000 đồng.

[3] Các bị cáo T, T1 và L1 là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại để tiêu xài cá nhân, cụ thể: bị cáo T chiếm đoạt tài sản có giá trị 28.647.500 đồng, bị cáo T1 chiếm đoạt tài sản có giá trị 10.530.500 đồng và bị cáo L1 chiếm đoạt tài sản có giá trị 18.117.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố các bị cáo T, T1 và L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo T, T1 và L1 phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu tài sản sơ hở trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày nên cần xử lý nghiêm.

[5] Về vai trò đồng phạm; về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội đồng phạm mang tính chất giản đơn. Trong vụ trộm thứ nhất, bị cáo T vừa người rủ rê, vừa là người thực hành cùng với bị cáo T1. Trong vụ trộm thứ 02, bị cáo T cùng thực hành với bị cáo L1, bị cáo L1 là người rủ rê. Bị cáo T tham gia đồng phạm trong 02 vụ với 02 bị cáo khác nhau là bị cáo L1 và bị cáo T1. Do đó, mức án đối với bị cáo T phải cao hơn so với các bị cáo khác.

Về nhân thân, các bị cáo T, T1 và L1 đều có nhân thân xấu.

- Bị cáo T đã bị xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích” và hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị kết án về các tội: “Trộm cắp tài sản”, “Hủy hoại tài sản”, “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”.

- Bị cáo T1 bị kết án về các tội: “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Bị cáo L1 bị xử phạt vi phạm hành chính và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cùng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T được hưởng là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T1 và L1 cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và thành khẩn khai báo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo T1 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo T và L1 không có thu nhập ổn định, bị cáo T1 không có nghề nghiệp nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả 03 con dê, 02 con thỏ, 02 máy bơm nước cho bị hại M2; trao trả 01 nắp đầy cống thoát nước cho bị hại Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT và trao trả 01 thùng xe ba gác kéo tự chế cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan N.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị hại M2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt gồm 03 con dê, 02 con thỏ, 02 máy bơm nước; bị hại Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 nắp đầy cống thoát nước. Hiện các bị hại M2 và Công ty TNHH một thành viên Thương Mại Xây Dựng HT không yêu cầu gì thêm.

- Ghi nhận những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm L2, T3 và N không yêu cầu các bị cáo T và T1 bồi thường số tiền bỏ ra mua tài sản do các bị cáo bán sau đó bị thu hồi.

[9] Đối với Trương Thanh L2 khi mua 03 con dê, Nguyễn Minh T3 khi mua 02 máy bơm nước do bị cáo T1 đem bán và Nguyễn Thị Tuyết N khi mua nắp đậy cống thoát nước do các bị cáo T và L1 bán đều không biết là tài sản cho các bị cáo phạm tội mà có; Nguyễn Thị Tuyết N khi cho mượn xe ba gác kéo không biết các bị cáo T và L1 sử dụng để làm phương tiện đi trộm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[10] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh; điều luật áp dụng; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo T, T1 và L1 phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T (TTC), Lê Phước T1 (M1) và Nguyễn Văn L1 (TE) phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. - Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T (TTC) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Phước T1 (M1) 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L (TE) 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Bùi Văn T (TTC), Lê Phước T1 (M1) và Nguyễn Văn L1 (TE) mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường F, TP MT, tỉnh Tiền Giang (1b);
- UBND xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (8b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình